

Ngày	16,300 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.9%	2.5%	-1.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,700 - 21,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,453
Số lượng CPLH (CP)	89,116,411
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,811,835
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	1.69
EPS	980
P/E	16.6

DT thuần

Q1/24

463

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 227| 96.2%

YoY: ▲ 34.0| 7.9%

LN trước thuế

Q1/24

13.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.5| -55.6%

YoY: ▲ 30.6| 175%

LN sau thuế

Q1/24

10.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼22.4| -68.5%

YoY: ▲ 27.9| 159%

ROA

2023

0.7%

DT thuần

2023

2,681

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,784| -50.9%

LN trước thuế

2023

51.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼72.9| -58.8%

LN sau thuế

2023

60.3

tỷ VNĐ

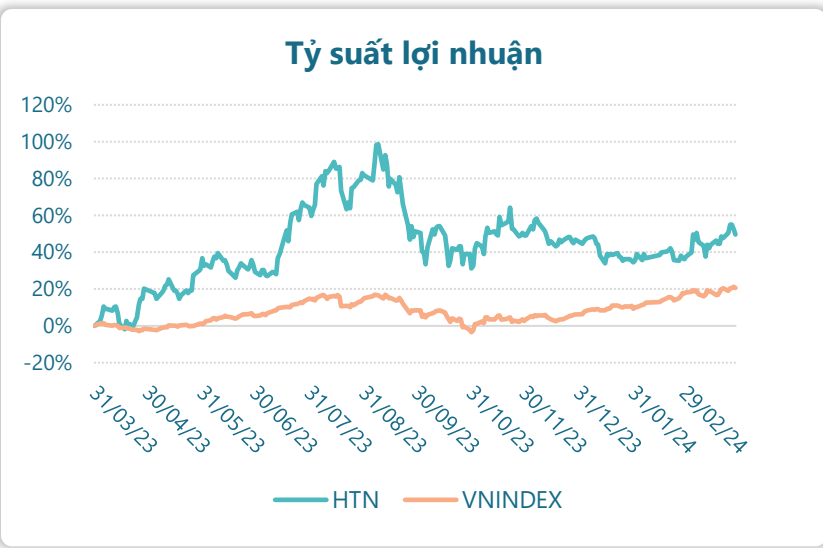
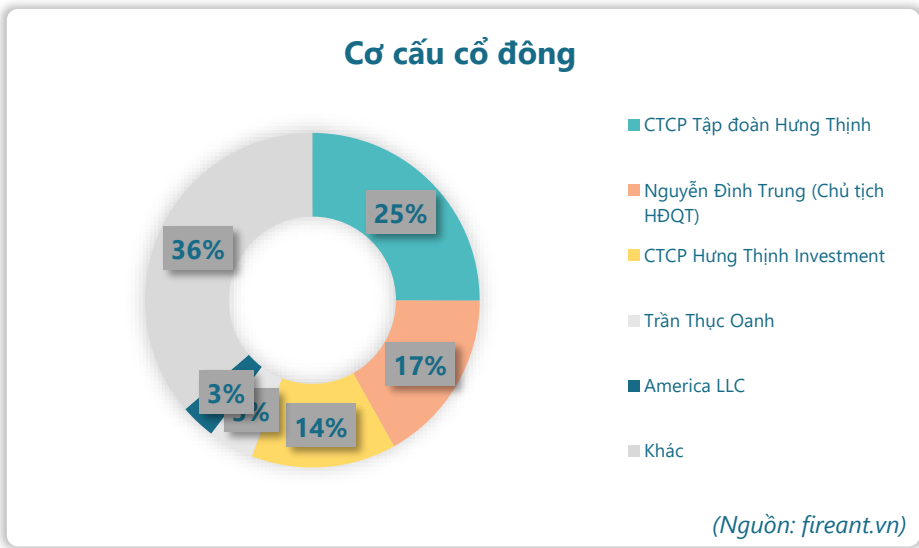
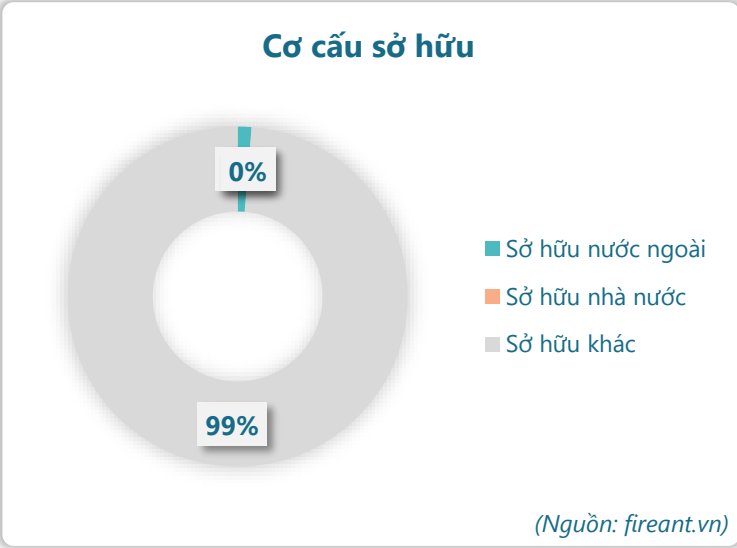
YoY: ▼3.70| -5.8%

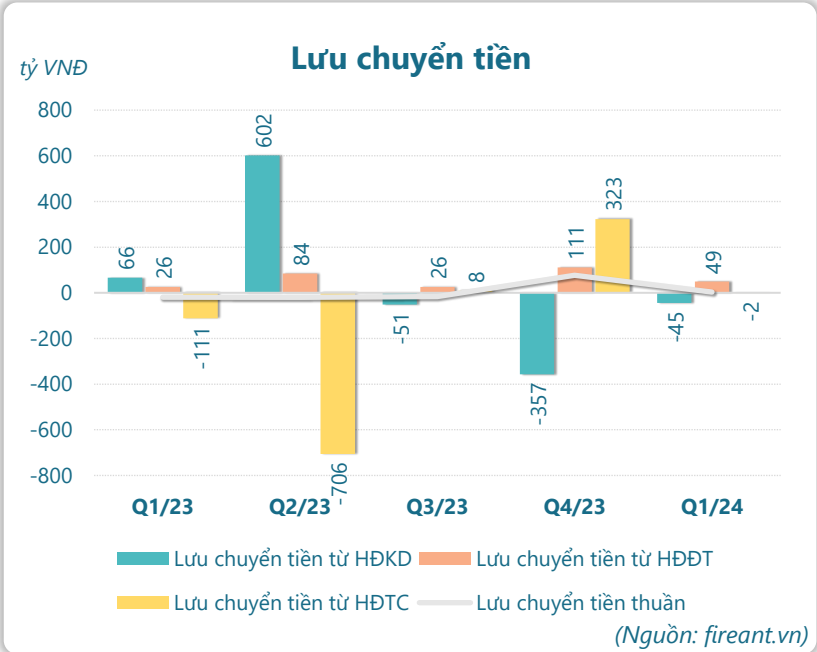
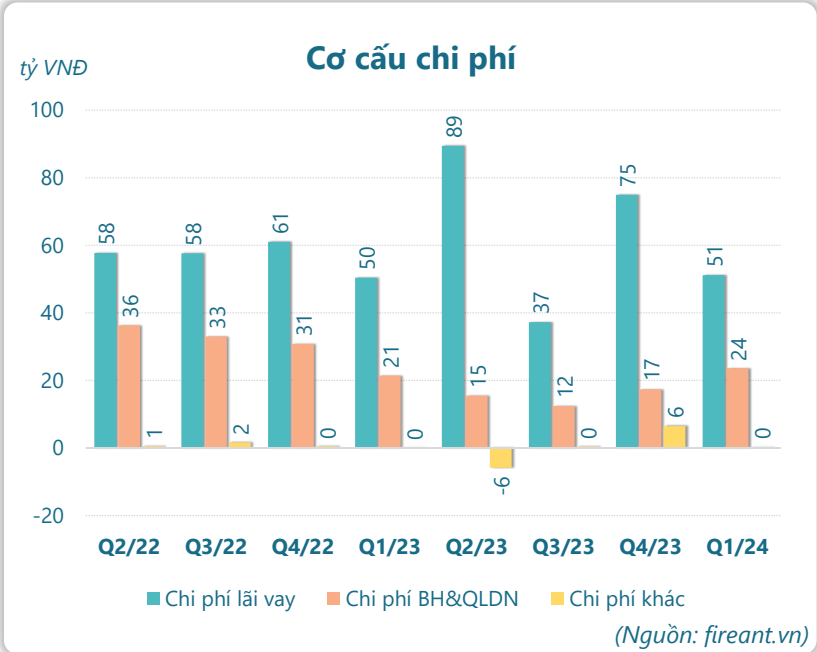
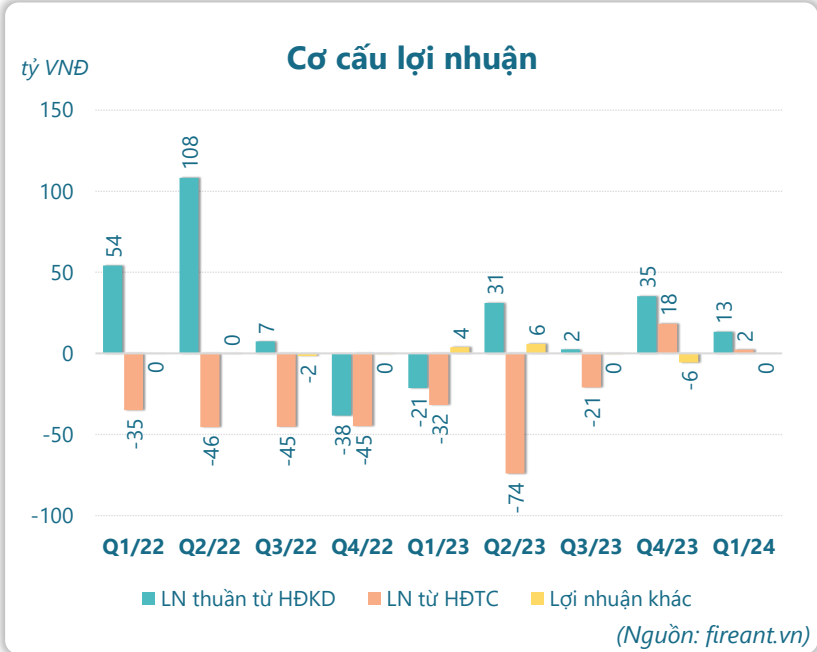
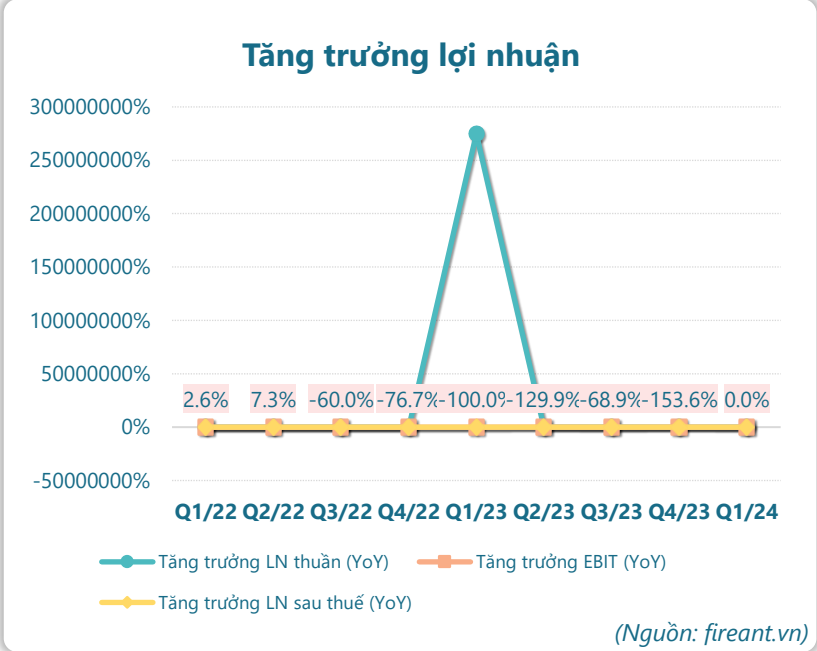
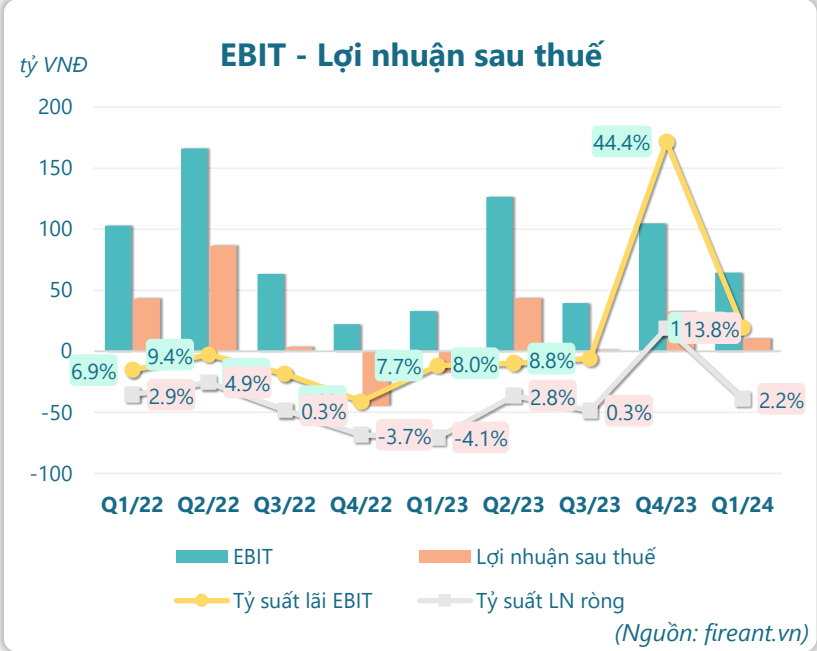
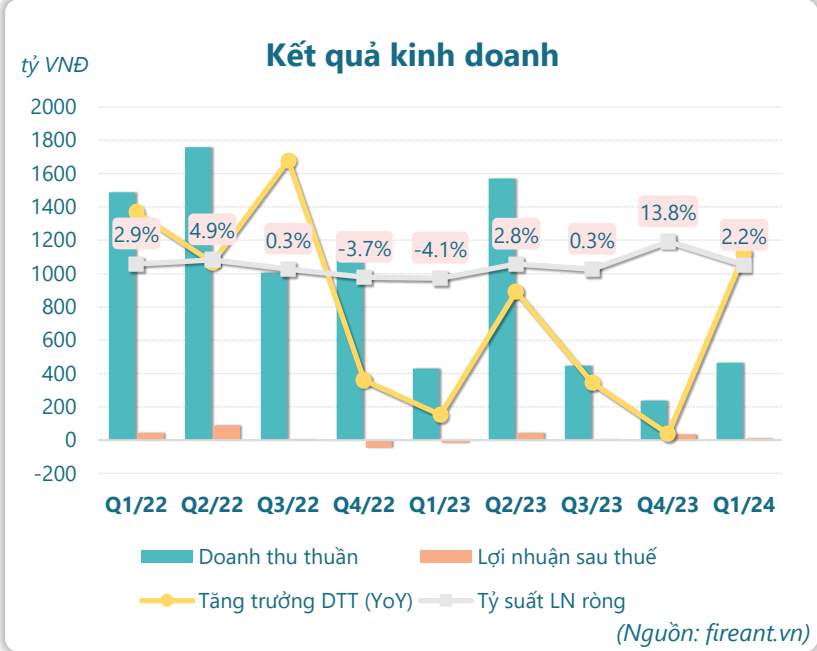
ROE

2023

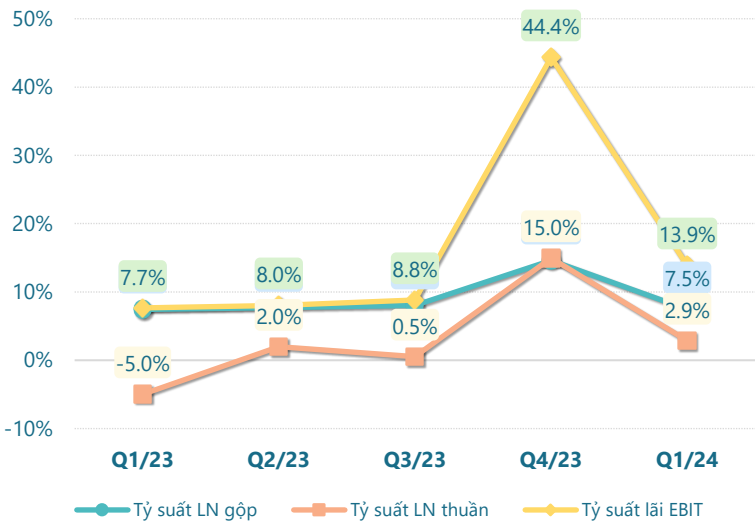
4.0%

+/- YoY: ▼ 0.2%



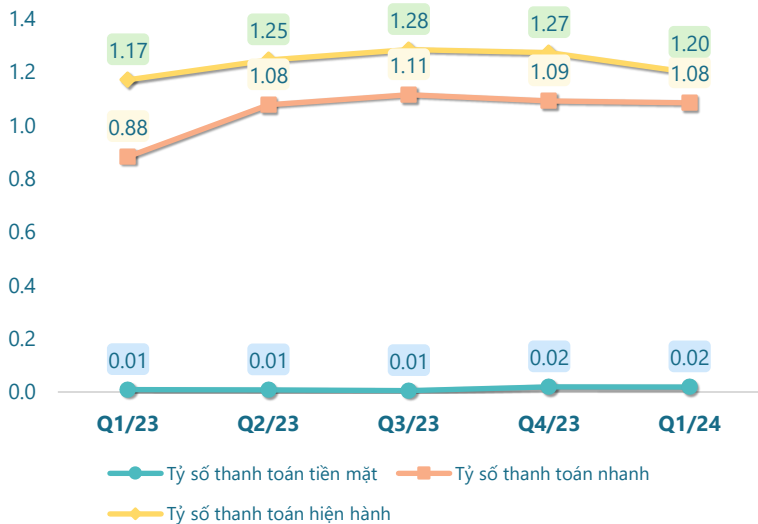


Tỷ suất lợi nhuận



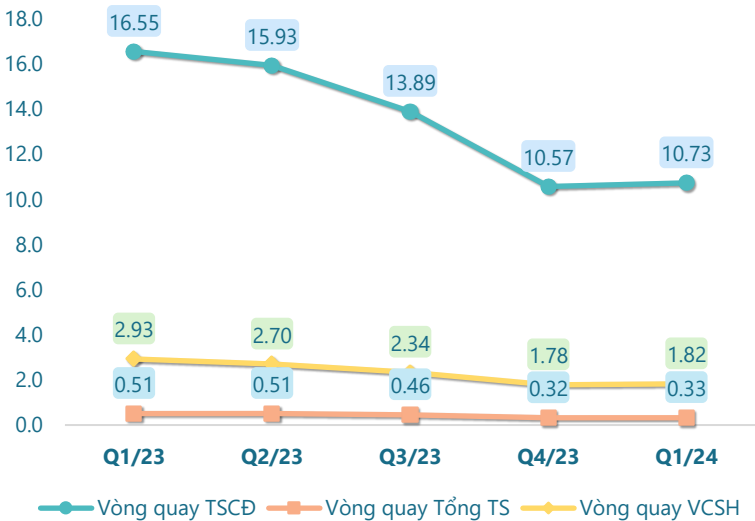
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



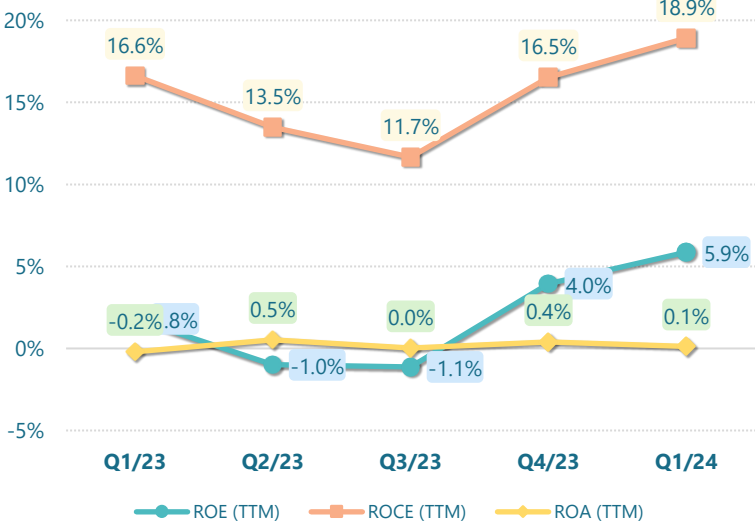
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



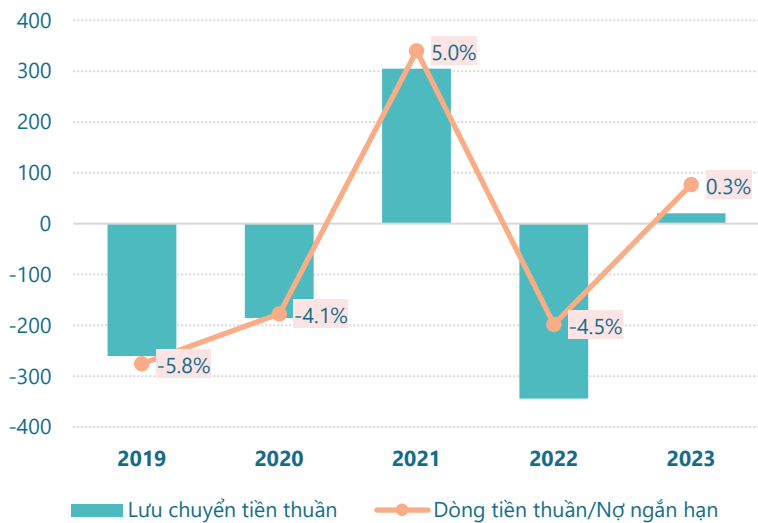
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



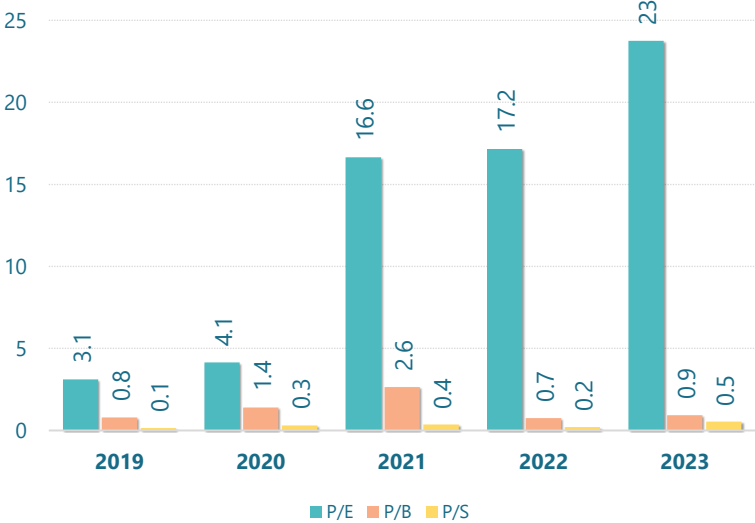
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)